

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 14/12 /2018

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Kim.

2. Bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1993. Có mặt.

HKTT: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Đỗ Thị L trình bày: Chị L và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, sau ngày cưới được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm hay xảy ra tranh cãi, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả. Đến tháng 11/2017 chị L đã bỏ về nhà đẻ ở cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin được ly hôn anh B.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/5/2012 hiện nay đang ở với chị L, sau khi ly hôn chị L nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị L đang làm công nhân Công ty tại khu Công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên có mức thu nhập 9.000.000đồng/ 1 tháng.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh B và chị L kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2017 chị L tự ý bỏ nhà đi không nói lý do. Sau khi chị L bỏ đi anh B đã liên lạc và gọi chị L về đoàn tụ nhưng chị L giấu địa chỉ, chị L nhắn tin cho anh B ở nhà nuôi con. Cách đây mấy tháng anh B được biết chị L về nhà mẹ đẻ sinh sống và làm đơn xin ly hôn anh B. Gia đình hai bên vẫn động viên vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị L không về.

Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị L xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/5/2012, từ khi chị L bỏ đi con chung vẫn ở với anh B. Khoảng tháng 6/2018 chị L đón con về chơi và ở với chị L tại xã T từ đó cho đến nay, hiện nay cháu N đang học lớp 1 trường Tiểu học xã H. Sau khi ly hôn anh B đề nghị được nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng, hiện nay anh B đi làm công nhân Công ty may xuất khẩu Hà Phong có mức thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đồng đến 8.000.000đồng/ 1 tháng.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn B.

-Con chung: Giao cho chị Đỗ Thị L được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/5/2012.

-Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã H, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2012 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị L thấy: chị L và anh B kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị L trình bày là do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, theo anh B trình bày vợ chồng sống bình thường không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên giữa năm 2017 chị L bỏ nhà đi không nói lý do, sau khi chị L bỏ đi anh B đã liên lạc gọi chị L về nhưng chị L không về. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải giữa chị L và anh B để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh B không đến làm việc và anh B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai bên được, đồng thời chị L và anh B đều không có nguyện vọng đoàn tụ chung sống. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải để chị L và anh B về đoàn tụ, nhưng chị L vẫn đề nghị được ly hôn anh B, anh B cũng nhất trí ly hôn chị L. Xét việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh B là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn B là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/5/2012 nay đang ở với chị L. Sau khi ly hôn chị L và anh B đều nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L và anh B sau khi ly hôn là có căn cứ, anh B và chị L đều có thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên, hiện nay con chung đang ở với chị L, để đảm sự ổn định cuộc sống không bị xáo trộn cũng như sự phát triển bình thường và tạo điều kiện cho con được phát triển tốt về mọi mặt, cần giao chị Đỗ Thị L nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp pháp luật. Do chị L không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L. Anh Nguyễn Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Chị L và anh B không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn B.

-Con chung: Giao cho chị Đỗ Thị L được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/5/2012. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đỗ Thị L.

Anh Nguyễn Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

-Án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05099 ngày 16/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. (Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí).

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSNĐ huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Vũ Văn Hợp